

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành Luật Hộ tịch năm 2014

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến dự thảo

Việc tổng kết thi hành Luật Hộ tịch năm 2014 và đề xuất xây dựng dự án Luật Hộ tịch (sửa đổi) được tiến hành trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế có những chuyển biến sâu sắc, đặt ra nhiều yêu cầu cấp thiết đối với công tác quản lý nhà nước về hộ tịch.

Về bối cảnh trong nước, cơ sở chính trị quan trọng nhất hiện nay là chủ trương quyết liệt của Đảng và Nhà nước về tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Các Nghị quyết của Trung ương như Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới và Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới đều nhất quán yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý giữa Trung ương và địa phương theo phương châm "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm", gắn quyền hạn với trách nhiệm cụ thể. Đặc biệt, sự thay đổi căn bản về mô hình tổ chức chính quyền địa phương theo hướng chỉ còn 02 cấp theo quy định của Hiến pháp sửa đổi và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 là yếu tố tác động trực tiếp, đòi hỏi phải sửa đổi Luật Hộ tịch để phân định lại thẩm quyền. Theo đó, mô hình mới yêu cầu chuyển giao toàn bộ các nhiệm vụ đăng ký hộ tịch, bao gồm cả các việc trước đây thuộc thẩm quyền cấp huyện, về cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện để bảo đảm tính thống nhất và phù hợp với việc sắp xếp đơn vị hành chính.

Bên cạnh đó, công cuộc chuyển đổi số quốc gia đang diễn ra mạnh mẽ cũng đặt ra những yêu cầu cấp bách đối với lĩnh vực hộ tịch. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Quyết định số 06/QĐ-TTg

ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đặt mục tiêu cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc vào địa giới hành chính, cá nhân hóa và dựa trên dữ liệu số. Thực tiễn này đòi hỏi công tác hộ tịch phải chuyển đổi toàn diện từ phương thức quản lý dựa trên giấy tờ sang quản lý dựa trên dữ liệu điện tử, thực hiện đăng ký trực tuyến toàn trình và tái sử dụng dữ liệu sẵn có từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Tuy nhiên, các quy định hiện hành của Luật Hộ tịch năm 2014 về thẩm quyền theo nơi cư trú và yêu cầu người dân phải có mặt trực tiếp khi đăng ký một số thủ tục đang trở thành rào cản pháp lý, chưa tương thích với yêu cầu cắt giảm thủ tục hành chính và môi trường làm việc số hóa. Ngoài ra, hệ thống pháp luật trong 10 năm qua đã có nhiều thay đổi với việc ban hành các đạo luật mới như Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật Căn cước năm 2023, Luật Giao dịch điện tử năm 2023, dẫn đến một số quy định của Luật Hộ tịch hiện hành không còn bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, gây khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật.

Về bối cảnh quốc tế, quá trình hội nhập sâu rộng của Việt Nam đòi hỏi pháp luật hộ tịch phải tương thích với các cam kết và thông lệ quốc tế. Chính phủ tiếp tục chú trọng việc nội luật hóa và thực hiện nghiêm túc các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên, như Công ước quốc tế về quyền trẻ em và Công ước về các quyền dân sự, chính trị, nhằm bảo đảm tốt nhất quyền đăng ký hộ tịch của người dân. Đáng chú ý, trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam đang tích cực xúc tiến và hoàn tất các thủ tục để gia nhập Công ước La Hay về miễn hợp pháp hóa giấy tờ công nước ngoài (Công ước Apostille). Việc tham gia Công ước này đòi hỏi Luật Hộ tịch (sửa đổi) phải có các quy định phù hợp để đón đầu việc thực thi, giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính và tạo thuận lợi cho việc sử dụng giấy tờ hộ tịch giữa các quốc gia. Đồng thời, sự gia tăng của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài cũng đặt ra yêu cầu phải tăng cường năng lực đăng ký, quản lý hộ tịch tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cũng như nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế để hiện đại hóa công tác đăng ký, quản lý hộ tịch trong nước.

Như vậy, việc xây dựng Luật Hộ tịch (sửa đổi) là yêu cầu khách quan và cấp thiết nhằm thể chế hóa các chủ trương của Đảng về tổ chức bộ máy, đáp ứng yêu cầu của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tạo hành lang pháp lý cho chuyển đổi số toàn diện và bảo đảm sự tương thích với pháp luật quốc tế trong giai đoạn phát triển mới. Việc thực hiện tổng kết thi hành Luật Hộ tịch là tiền đề, cơ sở để đánh giá các quy định cũ và đề xuất các quy định phù hợp trong giai đoạn mới.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Trên cơ sở tổng hợp kết quả theo dõi, đánh giá tình hình triển khai thi hành Luật Hộ tịch của các Bộ, ngành có liên quan; các Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự (sau đây gọi là Cơ quan đại diện); Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Hộ tịch trên toàn quốc, Bộ Tư pháp xây dựng Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Hộ tịch.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành Luật Hộ tịch

1.1. Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai thi hành Luật Hộ tịch đồng bộ

- Ngay sau khi Luật Hộ tịch được Quốc hội thông qua, Bộ Tư pháp đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Hộ tịch, chủ động phối hợp với các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch. Về cơ bản, các nhiệm vụ theo Kế hoạch đã được hoàn thành đúng tiến độ, hiệu quả.

- Ở địa phương, các Sở Tư pháp cũng chủ động tham mưu UBND cấp tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai thi hành Luật Hộ tịch của địa phương, chú trọng về nhân lực, cơ sở vật chất, phục vụ việc đăng ký hộ tịch. Các Sở Tư pháp cũng phát huy vai trò đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan đăng ký hộ tịch trên địa bàn thông qua việc ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ hộ tịch, thường xuyên kiểm tra, thanh tra phát hiện và khắc phục sai phạm, tháo gỡ kịp thời các vướng mắc trong công tác đăng ký hộ tịch.

1.2. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành với nhiều hình thức phong phú, thiết thực

- Thực hiện Kế hoạch triển khai thi hành Luật Hộ tịch, Bộ Tư pháp đã phối hợp tổ chức Hội nghị toàn quốc triển khai thi hành Luật Hộ tịch theo hình thức trực tuyến, với sự tham gia của tất cả các tỉnh, thành phố trên cả nước tại 63 điểm cầu; tổ chức Hội nghị tập huấn cho đội ngũ Báo cáo viên cấp tỉnh của 02 miền Nam, Bắc về những nội dung cơ bản của Luật Hộ tịch; tuyên truyền, phổ biến pháp luật hộ tịch với nhiều hình thức đa dạng.

- Tại các địa phương, Sở Tư pháp tham mưu UBND cấp tỉnh chú trọng tuyên truyền, phổ biến Luật Hộ tịch tới đội ngũ cán bộ, công chức, các tầng lớp nhân dân trên địa bàn thông qua các Hội nghị tuyên truyền, phổ biến; thực hiện công bố niêm yết công khai các thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực hộ tịch tại Bộ phận “Một cửa” của UBND; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND các cấp, Sở Tư pháp; phát hành tờ rơi, tờ gấp tuyên truyền về ý nghĩa, vai trò của đăng ký hộ tịch và giấy tờ hộ tịch, đặc biệt là Giấy khai sinh; xây

dựng các chuyên mục phổ biến pháp luật hộ tịch trên báo, đài truyền hình; lồng ghép nội dung tuyên truyền pháp luật hộ tịch vào các buổi sinh hoạt chuyên đề; tổ chức “Ngày pháp luật”, Hội thi “Hộ tịch viên giỏi”...

1.3. Thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) có liên quan, bảo đảm phù hợp với Luật Hộ tịch

Bộ Tư pháp đã chủ động, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, lập danh mục các văn bản QPPL do Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành thuộc lĩnh vực có liên quan đến Luật Hộ tịch. Kết quả rà soát cho thấy, phần lớn các quy định pháp luật tại thời điểm năm 2015 có liên quan đến lĩnh vực hộ tịch cơ bản đều phù hợp với quy định của Luật Hộ tịch; các văn bản đề nghị bãi bỏ, ban hành văn bản mới thay thế chủ yếu là các Nghị định quy định về đăng ký, quản lý hộ tịch và văn bản hướng dẫn thi hành ban hành trước thời điểm Luật Hộ tịch có hiệu lực, đã được thay thế bởi Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

1.4. Công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ

- Tại Trung ương: Bộ Tư pháp đã có văn bản hướng dẫn gửi các địa phương chủ động thực hiện một số hoạt động bảo đảm việc triển khai thi hành Luật ; thường xuyên trao đổi với các Bộ, ngành liên quan và Cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài tại Việt Nam về các vướng mắc trong thực tiễn công tác đăng ký hộ tịch , kịp thời có văn bản hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc cho địa phương, người có yêu cầu đăng ký hộ tịch.

Xác định công tác thanh tra, kiểm tra đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, với tinh thần hướng về cơ sở, hàng năm, Bộ Tư pháp tổ chức nhiều đoàn thanh tra, kiểm tra công tác đăng ký hộ tịch tới UBND cấp huyện và UBND cấp xã . Kết quả kiểm tra, thanh tra cho thấy, một số thủ tục đăng ký hộ tịch còn gặp khó khăn, vướng mắc, vẫn có những sai phạm về trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết ... nhưng không lớn, không phát sinh hệ quả phức tạp, nghiêm trọng. Về cơ bản, đã được các Đoàn thanh tra, kiểm tra của Bộ Tư pháp phát hiện, yêu cầu khắc phục kịp thời; nhiều vướng mắc đã được trao đổi, hướng dẫn hướng xử lý, bảo đảm quyền đăng ký hộ tịch của người dân.

- Tại địa phương: Các Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo các cấp, các ngành có liên quan triển khai thực hiện Luật Hộ tịch; chủ động chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ hộ tịch cho cơ quan đăng ký hộ tịch, hạn chế tình trạng vượt cấp trong quá trình xin ý kiến hướng dẫn nghiệp vụ.

Các Sở Tư pháp chú trọng thực hiện thanh tra, kiểm tra tại các cơ quan đăng ký hộ tịch cấp huyện, cấp xã hàng năm. Thông qua đó kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót, đồng thời, nắm bắt được những khó khăn,

đánh giá được tình hình triển khai Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành để tham mưu UBND tỉnh các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

1.5. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch

1.5.1. Việc kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch

Tính đến hết năm 2024, ngành Tư pháp đã kiện toàn, bố trí đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch tại Phòng Tư pháp, công chức tư pháp – hộ tịch tại UBND cấp xã trên cả nước, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cả về số lượng và chất lượng.

Đối với cấp huyện: Cả nước có 2.860 công chức làm việc tại Phòng Tư pháp của 701 đơn vị hành chính cấp huyện. Các công chức này có trình độ: chuyên môn luật chiếm tỷ lệ 91,1%, trình độ chuyên môn khác (tương đương) đạt 8,9%.

Đối với cấp xã: có 16.939 công chức tư pháp - hộ tịch làm việc tại 10.477 đơn vị hành chính cấp xã. Trong đó có: 16.344 công chức tư pháp - hộ tịch có trình độ chuyên môn luật (chiếm 96,4%), 660 công chức có trình độ chuyên môn khác tương đương (chiếm 3,9%), 39 công chức chưa được đào tạo trình độ tương đương (chiếm 0.2%) .

Nhiều địa phương đã củng cố, kiện toàn đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã đủ số lượng (có 6.277/10.477 đơn vị cấp xã bố trí được từ 02 công chức tư pháp - hộ tịch ~ 60%); ưu tiên bố trí công chức tư pháp - hộ tịch làm công tác hộ tịch chuyên trách tại các xã, phường, thị trấn là đơn vị hành chính cấp xã loại 1, loại 2 có đông dân cư, số lượng công việc hộ tịch nhiều theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ quy định về chức danh số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Cơ bản các địa phương đã bố trí, tạo điều kiện cho đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch, nhất là các trường hợp chưa có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ được tham gia đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa, nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ công tác hộ tịch, đáp ứng đúng quy định, thực hiện tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Bên cạnh trình độ chuyên môn luật; công chức làm công tác hộ tịch cũng được quan tâm cử hoặc tạo điều kiện tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch để được cấp chứng chỉ theo quy định của khoản 2 và khoản 3 Điều 72 Luật hộ tịch (đạt trên 95%).

Ngày 12/6/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Sau sắp xếp, từ 01/7/2025, cả nước có 3.321 đơn vị hành chính cấp xã vận hành theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Qua rà soát, tính đến ngày 15/10/2025 có hơn 8.000 công chức làm công tác hộ tịch tại địa phương.

1.5.2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đóng vai trò cốt yếu trong việc kiến tạo đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch tinh thông nghiệp vụ, đáp ứng ngày càng cao yêu cầu phục vụ nhân dân và thực thi pháp luật. Thời gian qua, từ cấp trung ương đến địa phương đã có những nỗ lực đáng kể trong việc xây dựng và triển khai các chương trình bồi dưỡng, góp phần nâng cao năng lực cho đội ngũ này.

a) Về nội dung, chương trình đào tạo

- Nhằm chuẩn hóa, nâng cao năng lực của công chức làm công tác hộ tịch, Bộ Tư pháp đã sớm phê duyệt khung Chương trình, xây dựng nội dung Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch và Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch; thực hiện cập nhật, chỉnh sửa Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho phù hợp với những thay đổi của văn bản pháp luật và tình hình thực tiễn.

Chương trình đào tạo tại cấp trung ương tập trung vào việc cập nhật kiến thức pháp luật chuyên sâu, gắn liền với các văn bản pháp luật mới được ban hành. Các lớp bồi dưỡng về Luật Hộ tịch, Luật Hôn nhân và gia đình, Bộ luật Dân sự và các văn bản quy định chi tiết thi hành đều được Bộ Tư pháp tổ chức kịp thời, phù hợp với thời điểm triển khai thi hành Luật. Đây là những nội dung thiết yếu, giúp công chức nắm vững các quy định pháp luật, từ đó áp dụng hiệu quả vào thực tiễn công tác đăng ký và quản lý hộ tịch.

Các đơn vị chức năng thuộc Bộ (Cục Hành chính tư pháp, Học viện Tư pháp, các trường Trung cấp Luật – nay là Cao đẳng Luật) trực tiếp tổ chức một số lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho công chức làm công tác hộ tịch các cấp. Theo thông tin của các địa phương, hộ tịch là lĩnh vực duy nhất thực hiện tập huấn cho đại diện tất cả các Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, luôn được các học viên đánh giá cao về chất lượng, hiệu quả; phương thức tổ chức tập huấn thực hiện linh hoạt, phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn, giúp địa phương tháo gỡ được nhiều vướng mắc.

- Thực hiện nhiệm vụ “Đưa nội dung đào tạo về nghiệp vụ đăng ký, quản lý hộ tịch vào Chương trình đào tạo trung cấp Luật”, Bộ Tư pháp đã giao Trường Trung cấp Luật Thái Nguyên (nay là Trường cao đẳng Luật miền Bắc) xây dựng giáo trình “Nghiệp vụ đăng ký và quản lý hộ tịch”, đưa môn học Nghiệp vụ hộ tịch là một môn học chính thức trong hệ thống đào tạo trung cấp, cao đẳng Luật.

- Đối với Cơ quan đại diện, Bộ Ngoại giao đã tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ lãnh sự cho công chức/viên chức dự kiến cử làm công tác lãnh sự tại Cơ quan đại diện, trong đó, nội dung về công tác hộ tịch là một trong những nội dung trọng tâm; trước khi nhận nhiệm vụ, các cán bộ lãnh sự phải có Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ lãnh sự. Sổ tay công tác Lãnh sự ở nước ngoài cũng được cập nhật, sửa đổi bảo đảm phù hợp Luật Hộ tịch, phục vụ tốt hơn cho công tác lãnh sự nói chung và công tác hộ tịch nói riêng tại Cơ quan đại diện.

- Tại địa phương, hàng năm, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã dành sự quan tâm đặc biệt, bố trí nguồn lực để tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên sâu về tập huấn nghiệp vụ hộ tịch cho công chức làm công tác hộ tịch trên địa bàn; Sở Tư pháp phối hợp với các trường Trung cấp/Cao đẳng Luật, Học viện Tư pháp tổ chức các lớp bồi dưỡng và cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho công chức làm công tác hộ tịch, bảo đảm công chức làm công tác hộ tịch được bồi dưỡng nghiệp vụ theo đúng quy định của Luật Hộ tịch. Các lớp tập huấn này không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt kiến thức lý thuyết mà còn chú trọng vào bồi dưỡng chuyên sâu về công tác hộ tịch – lĩnh vực cốt lõi mà đội ngũ công chức trực tiếp đảm nhiệm. Nhiều lớp tập huấn được tổ chức một cách bài bản, với sự tham gia của các giảng viên giàu kinh nghiệm thực tiễn, không chỉ là những chuyên gia pháp luật mà còn là những người đã và đang trực tiếp công tác trong ngành. Điều này giúp học viên dễ dàng liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn, giải đáp các vướng mắc phát sinh trong quá trình làm việc. Việc trao đổi trực tiếp với những người có kinh nghiệm đã mang lại giá trị thiết thực, giúp công chức nắm bắt được các tình huống cụ thể, từ đó nâng cao kỹ năng xử lý công việc một cách hiệu quả và chuyên nghiệp hơn.

1.6. Bảo đảm cấp số định danh cá nhân khi đăng ký khai sinh cho trẻ em

Thực hiện quy định của Luật Hộ tịch, Luật Căn cước công dân và các văn bản quy định chi tiết thi hành, mặc dù còn nhiều khó khăn, hạn chế về nguồn lực, kinh nghiệm nhưng Bộ Tư pháp đã triển khai xây dựng và đưa vào sử dụng Phần mềm đăng ký khai sinh điện tử, kết nối với Hệ thống cấp số định danh cá nhân (nay là Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (CSDLQGVC) - Bộ Công an quản lý) thực hiện cấp số định danh cá nhân cho trẻ em khi đăng ký khai sinh từ ngày 01/01/2016, từng bước mở rộng, triển khai toàn quốc và duy trì ổn định, liên tục đến nay. Tính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 11/10/2025, hệ thống đã cấp gần 17 triệu số định danh cá nhân cho trẻ em đăng ký khai sinh trên toàn quốc.

1.7. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký và quản lý hộ tịch

1.7.1. Về cơ sở vật chất phục vụ công tác đăng ký hộ tịch

Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đăng ký và quản lý hộ tịch đã được các địa phương quan tâm đầu tư. Hầu hết các cơ quan đăng ký hộ tịch đều được bố trí nơi làm việc phù hợp, trang bị các phương tiện làm việc cần thiết (điện thoại, máy vi tính có kết nối mạng Internet, máy in, tủ để tài liệu, máy photocopy...), đáp ứng yêu cầu từng bước hiện đại hóa phương thức đăng ký hộ tịch; một số đơn vị đã trang bị được máy scan để phục vụ việc số hóa dữ liệu hộ tịch và số hóa hồ sơ đăng ký hộ tịch.

1.7.2. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai Đề án Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử (CSDLHTĐT) và Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về CSDLHTĐT, đăng ký hộ tịch trực tuyến

a) Việc xây dựng và đưa vào sử dụng Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử

Trước khi Luật Hộ tịch có hiệu lực, Bộ Tư pháp đã khẩn trương xây dựng Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung, đưa vào thí điểm (từ ngày 01/01/2016) với tất cả các nghiệp vụ đăng ký hộ tịch, sau đó từng bước mở rộng phạm vi áp dụng trên toàn quốc (theo Đề án “CSDLHTĐT toàn quốc” đã được phê duyệt tại Quyết định số 2173/QĐ-BTP ngày 11/12/2015).

Đến ngày 30/6/2025 (thời điểm trước triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp), Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung đã được triển khai sử dụng thống nhất tại tất cả các cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch trên toàn quốc, với gần 20.000 tài khoản sử dụng các cấp, thay đổi mạnh mẽ phương thức đăng ký hộ tịch, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân, hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý Nhà nước, từng bước kết nối, chia sẻ với CSDLQGVC, Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, thực hiện liên thông các TTHC: đăng ký khai sinh - cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi hoàn toàn trên môi trường điện tử; sẵn sàng kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu (CSDL) khác theo quy định.

Nhằm khắc phục một số vướng mắc, bất cập trong đăng ký, quản lý, khai thác dữ liệu hộ tịch hiện nay, đồng thời góp phần tăng cường hiệu quả kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu dân cư, phục vụ cho việc đơn giản hóa, cải cách hành chính và công tác quản lý dân cư của Nhà nước. Từ năm 2021 đến nay, Bộ Tư pháp đã và đang triển khai thực hiện dự án “Xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch” theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Để chuẩn bị cho việc triển khai chính quyền địa phương 02 cấp từ 01/7/2025, trong phạm vi Dự án, Bộ Tư pháp đã xây dựng và đưa vào sử dụng Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch điện tử phiên bản mới, Hệ thống có tính kế thừa từ phần mềm cũ và bảo đảm phù hợp với chính quyền 02 cấp. Tính đến thời điểm hiện nay, hệ thống đã được triển khai tại toàn bộ cơ quan đăng ký hộ tịch với hơn 24.000 tài khoản người sử dụng các cấp. Triển khai thí điểm tại 12 cơ

quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, dự kiến triển khai tại tất cả cơ quan đại diện trước 01/12/2025.

b) Việc số hóa dữ liệu hộ tịch

Thực hiện nhiệm vụ số hóa dữ liệu hộ tịch, xác định việc số hóa sổ hộ tịch đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng CSDLHTĐT, ngay từ năm 2019 Bộ Tư pháp đã xây dựng phần mềm hỗ trợ địa phương thực hiện (Phần mềm hộ tịch 158) và ban hành văn bản hướng dẫn.

Bộ Tư pháp đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP, trong đó có yêu cầu trước ngày 01/01/2025, các địa phương phải hoàn thành số hóa dữ liệu hộ tịch. Tuy nhiên do các địa phương có điều kiện, nguồn lực, sự quan tâm khác nhau, việc triển khai chưa đồng bộ. Năm 2024, Bộ Tư pháp phát động phong trào thi đua cao điểm “Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Kế hoạch số hóa dữ liệu hộ tịch”, tăng cường đôn đốc chỉ đạo, hướng dẫn sát sao các địa phương triển khai thực hiện.

Bên cạnh số hóa theo phương thức truyền thống (nhập dữ liệu vào Phần mềm hộ tịch 158), Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Công an hỗ trợ các địa phương chưa có điều kiện triển khai số hóa sổ hộ tịch thực hiện việc nhập dữ liệu từ sổ hộ tịch trên nền Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Quy trình số 1292/HTQTCT-QLHC ngày 20/12/2022.

Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của Tổ công tác triển khai Đề án 06 Chính phủ, nỗ lực của địa phương và đôn đốc, hỗ trợ của Bộ Tư pháp, đến ngày 15/6/2025 các địa phương đã hoàn tất việc số hóa với hơn 107 triệu dữ liệu đã được chuyển vào CSDLHTĐT.

c) Về việc triển khai đăng ký hộ tịch trực tuyến, bên cạnh việc hoàn thiện thể chế (tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP, ban hành Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP), Bộ Tư pháp đã tích cực hướng dẫn, đôn đốc các địa phương triển khai tích hợp, cung cấp các thủ tục đăng ký hộ tịch trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (nay là Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh), đặc biệt là các thủ tục đăng ký hộ tịch thiết yếu, quan trọng và cần thiết: đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn và đăng ký khai tử.

Đến nay, 99% các TTHC liên quan đến lĩnh vực hộ tịch đã được triển khai trực tuyến toàn trình. Góp phần cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân.

1.8. Các nhiệm vụ khác có liên quan đến triển khai thi hành Luật Hộ tịch

1.8.1. Triển khai thực hiện liên thông TTHC đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế, đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú - hưởng mai táng phí

Các địa phương đều đã thực hiện có hiệu quả việc liên thông đăng ký khai sinh - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi, liên thông đăng ký khai tử - trợ cấp mai táng phí. Thời gian đầu triển khai theo quy trình liên thông các TTHC này, công chức tư pháp - hộ tịch vẫn thực hiện thủ công, chỉ có quy trình liên thông 02 thủ tục: Đăng ký khai sinh - cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em được thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử từ năm 2019.

Thực hiện Nghị Quyết số 97/NQ-CP ngày 08/7/2023 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2023 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương, Bộ Tư pháp và các địa phương đã triển khai mở rộng kết nối giữa Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung với Phần mềm dịch vụ công liên thông, thực hiện liên thông 2 nhóm TTHC “Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi; Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng, trợ cấp mai táng” trên toàn quốc từ ngày 10/7/2023.

Bộ Tư pháp đã thực hiện nâng cấp, bổ sung tính năng tạo lập bản điện tử Giấy khai sinh, Trích lục khai tử; đồng thời, để thống nhất về nội dung, hình thức, bảo đảm giá trị pháp lý của biểu mẫu bản điện tử giấy tờ hộ tịch (trong đó có Giấy khai sinh, Trích lục khai tử), Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về CSDLHTĐT, đăng ký hộ tịch trực tuyến, đồng thời, đề nghị địa phương chuẩn bị hạ tầng, kỹ thuật, trang thiết bị cần thiết; tổ chức tập huấn trực tuyến về việc triển khai liên thông 02 nhóm TTHC cho các Sở Tư pháp.

Về kết quả giải quyết 02 nhóm TTHC liên thông, theo số liệu thống kê trên Hệ thống, tính từ ngày 10/7/2023 đến ngày 20/10/2025, trên Hệ thống đã tiếp nhận 1.245.605 hồ sơ liên thông TTHC liên quan đến khai sinh (trong đó: 1.195.985 hồ sơ đã hoàn thành - chiếm 96%, 24.389 hồ sơ từ chối giải quyết - chiếm 2%, 25.231 hồ sơ đang xử lý - 2%), 377.508 hồ sơ liên thông TTHC liên quan đến khai tử (trong đó 364.466 hồ sơ đã hoàn thành - chiếm 97%, 7.760 hồ sơ từ chối giải quyết - chiếm 2%, 5.282 hồ sơ đang xử lý - chiếm 1%).

Việc thực hiện liên thông TTHC cơ bản đã có hiệu quả tích cực trong việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về dân cư; bảo đảm các quyền khai sinh, cư trú và chăm sóc sức khỏe cho trẻ em dưới 6 tuổi; tạo điều kiện thuận lợi, giảm tối đa chi phí hành chính và thời gian đi lại cho người dân, góp phần đẩy mạnh

công tác cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm, ý thức tận tâm phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

1.8.2. Một số nhiệm vụ khác

Về sổ, biểu mẫu phục vụ công tác đăng ký hộ tịch: Bộ Tư pháp đã tổ chức in, phát hành bảo đảm chất lượng, đúng nội dung các loại sổ, biểu mẫu hộ tịch theo đúng quy định của Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; đăng tải các biểu mẫu hộ tịch trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp; bảo đảm cung cấp kịp thời biểu mẫu, Sổ hộ tịch cho các cơ quan đăng ký hộ tịch; cập nhật biểu mẫu trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung.

Ngoài ra, để phục vụ việc đăng ký hộ tịch trực tuyến, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 03/2023/TT-BTP, trong đó bổ sung 14 mẫu Bản điện tử các giấy tờ hộ tịch (ví dụ: Bản điện tử Giấy khai sinh, Trích lục kết hôn, Trích lục khai tử, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân...), quy định về Mã QR Code trên Bản điện tử các giấy tờ hộ tịch, giúp cá nhân, cơ quan, tổ chức kiểm tra tính xác thực và cập nhật thông tin hộ tịch theo thời gian thực, quan trọng nhất là hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc sử dụng bản điện tử giấy tờ hộ tịch trong các giao dịch, thủ tục hành chính trực tuyến. Đây là một bước tiến quan trọng trong việc thúc đẩy chuyển đổi số và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến hộ tịch.

Thực hiện quy định tại Điều 37 của Luật Hộ tịch, Bộ Tư pháp đã đăng tải, cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp danh sách bản án, quyết định ly hôn/hủy kết hôn của công dân Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài giải quyết thuộc trường hợp có đơn yêu cầu thi hành tại Việt Nam hoặc có đơn yêu cầu không công nhận tại Việt Nam, bảo đảm cơ sở giải quyết thủ tục ghi chú ly hôn.

Bộ Tư pháp đã cập nhật, hoàn thiện bộ pháp điển đề mục “Hộ tịch” thuộc chủ đề Hành chính tư pháp, tạo nguồn văn bản tổng hợp, thống nhất trong lĩnh vực hộ tịch, thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, người dân tra cứu, thực hiện.

2. Kết quả thi hành Luật Hộ tịch, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của Luật Hộ tịch

2.1. Những kết quả đạt được và ưu điểm

2.1.1 Thể chế trong lĩnh vực hộ tịch đã được hoàn thiện cơ bản, bảo đảm cơ sở pháp lý thực hiện việc đăng ký, quản lý hộ tịch đồng bộ, hiệu quả

(i) Giai đoạn từ 01/01/2016 – 30/6/2025

Sau khi Luật Hộ tịch được ban hành, Bộ Tư pháp đã tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành, góp phần hoàn thiện thể chế trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch, tạo cơ sở pháp lý ổn định, thống nhất, lâu dài để công tác đăng ký, quản lý hộ tịch được đồng bộ, thống nhất với các quy định pháp luật liên quan, bảo đảm thực hiện các quyền nhân thân cơ bản của cá nhân theo Hiến pháp năm 2013.

Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành đã quy định cụ thể quyền, trách nhiệm đăng ký hộ tịch của người dân (bao gồm cả công dân Việt Nam, công dân nước ngoài và người không quốc tịch). Với việc phân cấp mạnh hơn về thẩm quyền đăng ký hộ tịch (giao thẩm quyền giải quyết toàn bộ các việc đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài cho UBND cấp huyện), quy định cá nhân có quyền lựa chọn cơ quan đăng ký hộ tịch cho mình mà không phải phụ thuộc vào nơi thường trú; thủ tục đăng ký hộ tịch tiếp tục được đơn giản hóa, cải cách mạnh mẽ cả về trình tự, thủ tục, phương thức đăng ký hộ tịch bảo; CSDL hộ tịch điện tử được xây dựng; miễn lệ phí đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật; và các việc hộ tịch thiết yếu như: đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước, đã phát huy năng lực, trách nhiệm của chính quyền địa phương, tăng cường vai trò quản lý nhà nước của UBND cấp tỉnh, từng bước đẩy mạnh việc đăng ký hộ tịch trực tuyến, thực hiện chủ trương đăng ký hộ tịch không phụ thuộc vào nơi cư trú. Với những kết quả nêu trên, quyền đăng ký hộ tịch của người dân được bảo đảm, đặc biệt là quyền đăng ký khai sinh của trẻ em, kể cả các trường hợp trẻ chưa xác định được quốc tịch.

(ii) Giai đoạn từ 01/7/2025 đến nay

Giai đoạn gắn với việc chuyển đổi mô hình chính quyền từ 03 cấp thành 02 cấp, đây là một bước đi quan trọng trong tiến trình cải cách hành chính, hướng đến bộ máy tinh gọn, hiệu quả và phục vụ người dân tốt hơn. Trong giai đoạn này, về cơ bản, các nguyên tắc, các nội dung cơ bản trong Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành không có sự thay đổi. Việc thay đổi tập trung chủ yếu vào thẩm quyền đăng ký, do việc bỏ cấp huyện; quy định về việc người có yêu cầu đăng ký hộ tịch không cần phải có mặt tại cơ quan đăng ký hộ tịch để ký vào Sổ hộ tịch (trừ thủ tục đăng ký kết hôn). Các quy định này đã được Bộ Tư pháp cụ thể hóa thông qua các văn bản quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền trong các lĩnh vực của Bộ Tư pháp.

2.1.2. Hệ thống cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch, đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch từ Trung ương đến cấp xã được củng cố, kiện toàn

(i) Giai đoạn 01/01/2016 – 30/6/2025

- Hệ thống cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch tiếp tục được củng cố ổn định, bảo đảm ở khả năng tiếp cận, thực hiện quyền của người dân. Ở Trung ương, Bộ Tư pháp tiếp tục giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về hộ tịch trong phạm vi cả nước; Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch đối với công dân Việt Nam ở nước ngoài. Ở địa phương, UBND cấp tỉnh tập trung thực hiện chức năng quản lý nhà nước, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch trong phạm vi địa bàn và đăng ký các việc hộ tịch phát sinh.

- Đội ngũ công chức làm công tác đăng ký, quản lý hộ tịch ở Trung ương và địa phương cơ bản được quan tâm bố trí đầy đủ về số lượng, trình độ chuyên môn được nâng cao, ngày càng chuyên nghiệp (đều có trình độ từ Cử nhân Luật trở lên), góp phần hạn chế sai sót, vi phạm trong quá trình đăng ký hộ tịch.

(ii) Giai đoạn từ 01/7/2025 đến nay

Hệ thống cơ quan đăng ký hộ tịch tại địa phương chịu ảnh hưởng trực tiếp của việc chuyển đổi mô hình chính quyền địa phương từ 03 cấp thành 02 cấp. Tuy thời gian đầu vận hành còn khó khăn, lúng túng, xong hệ thống cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch tại địa phương đã kịp thời ổn định tổ chức, nhân sự bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

2.1.3. Việc triển khai xây dựng CSDLHTĐT, kết nối cấp số định danh cá nhân cho trẻ em khi đăng ký khai sinh được thực hiện, đáp ứng được nhiệm vụ được giao

Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp đã phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng công tác đăng ký, thống kê hộ tịch, tạo thuận lợi cho người dân. CSDLHTĐT dần được hình thành với hơn 100 triệu dữ liệu đăng ký khai sinh, khai tử, nhận cha, mẹ, con, đăng ký giám hộ, đăng ký nuôi con nuôi, đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc.

Hệ thống này giúp công chức làm công tác hộ tịch tác nghiệp trên tất cả các nghiệp vụ đăng ký, quản lý hộ tịch theo quy định của Luật Hộ tịch, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu của công dân về đăng ký hộ tịch, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát và thống kê dữ liệu hộ tịch.

2.1.4. TTHC trong lĩnh vực hộ tịch tiếp tục được đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa, tạo thuận lợi cho người dân

Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành đã có nhiều quy định đơn giản hóa, cắt giảm nhiều giấy tờ không cần thiết khi đăng ký hộ tịch; cải tiến phương thức nộp hồ sơ để người dân lựa chọn nộp trực tiếp, gửi qua bưu chính hoặc đăng ký hộ tịch trực tuyến (đến nay 99% thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch đã được thực hiện trực tuyến, toàn trình); thành phần hồ sơ đơn giản (ưu tiên khai thác thông tin trong CSDLHTĐT, Cơ sở dữ liệu quốc gia về

dân cư (CSDLQGVDC) mà không yêu cầu người dân phải nộp/xuất trình nhiều giấy tờ), thời gian giải quyết TTHC được rút ngắn, một số TTHC được giải quyết ngay trong ngày; có cơ chế cho công dân được cam đoan trong một số trường hợp hoặc cơ quan đăng ký hộ tịch thực hiện giải quyết hồ sơ sau thời hạn quy định mà không nhận được văn bản trả lời xác minh...

Kết quả Chỉ số cải cách hành chính (Par-Index) các năm 2019, 2020, 2021 của Bộ Tư pháp đều đạt trên 90%, Bộ Tư pháp là một trong ba Bộ đứng đầu về chỉ số này, trong đó năm 2021 đứng thứ nhất. Kết quả chỉ số hài lòng về các dịch vụ công của người dân, tổ chức (SIPAS) - dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp (trong đó có lĩnh vực hộ tịch) đứng thứ 2.

2.1.5. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp Luật Hộ tịch đã được quan tâm, nhận thức của người dân về quyền, trách nhiệm đăng ký hộ tịch được nâng lên, tỷ lệ đăng ký hộ tịch tăng

Các cấp ủy, chính quyền từ Trung ương đến địa phương đã quan tâm, đầu tư hơn cho công tác tuyên truyền. Bên cạnh các hình thức tuyên truyền truyền thống, cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch đã mở rộng nhiều hình thức tuyên truyền hiện đại, đa dạng, phong phú, góp phần nâng cao nhận thức của người dân về việc đăng ký hộ tịch vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ, để người dân tự giác đi đăng ký, nâng cao tỷ lệ đăng ký hộ tịch (tỷ lệ trẻ em được đăng ký khai sinh tăng hàng năm; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh đạt 98,8% .

Việc lưu giữ, bảo quản các giấy tờ hộ tịch đã được người dân thực hiện tốt hơn, giảm bớt tình trạng tự ý tẩy xóa, sửa chữa các giấy tờ hộ tịch. Việc đăng ký hộ tịch lưu động ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa được triển khai góp phần bảo đảm quyền được đăng ký hộ tịch của người dân .

2.1.6. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký hộ tịch đã được quan tâm triển khai ở các địa phương, CSDLHTĐT được hình thành

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Luật Hộ tịch, để đảm bảo tính khả thi của Dự án, cũng như để có kinh nghiệm thực tiễn làm cơ sở xây dựng Dự án xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch, ngay từ những ngày đầu triển khai Luật Hộ tịch, Bộ Tư pháp đã xây dựng và triển khai Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch, kết nối với CSDLQGVDC, Cổng dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh bảo đảm tích hợp, cung cấp các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch trên Cổng dịch vụ công, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân.

Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đều tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, bố trí kinh phí củng cố cơ sở hạ tầng, phục vụ triển khai Đề án xây dựng CSDLHTĐT. Thực hiện Nghị định số 87/2020/NĐ-CP và các nhiệm vụ của Đề án 06, các địa phương đã đẩy mạnh cung cấp các thủ tục đăng ký hộ

tịch trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh, nhất là 03 thủ tục đăng ký hộ tịch thiết yếu: đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, đăng ký khai tử. Việc số hóa sổ hộ tịch cũng đang được các địa phương chú trọng triển khai theo Kế hoạch và hướng dẫn của Bộ Tư pháp. Các địa phương đã chủ động bố trí kinh phí, trang thiết bị, máy móc, nguồn nhân lực thực hiện số hóa các dữ liệu hộ tịch lịch sử, từng bước hình thành CSDLHTĐT của địa phương.

Về các Hệ thống thông tin, kết nối, khai thác dữ liệu phục vụ cho việc giải quyết các yêu cầu đăng ký hộ tịch

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh (Một cửa điện tử cấp tỉnh) đều đã được các địa phương điều chỉnh theo các quy định, hướng dẫn; đã phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện việc kết nối, tích hợp Một cửa điện tử cấp tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia (Văn phòng Chính phủ quản lý, vận hành), Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Phần mềm dịch vụ công liên thông (Bộ Công an quản lý, vận hành), Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử (Bộ Tư pháp quản lý, vận hành) để tiếp nhận, chuyển hồ sơ, nhận kết quả đăng ký hộ tịch. Hệ thống giải quyết TTHC cấp tỉnh đã kết nối, khai thác được dữ liệu công dân từ CSDLQGVDC, CSDLHTĐT.

Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử (ĐKQLHTĐT) của Bộ Tư pháp đã hoàn thành chuyển đổi về tính năng, dữ liệu hộ tịch - bao gồm cả dữ liệu hộ tịch lịch sử được số hóa (401 triệu bản ghi dữ liệu, cụ thể: 87 triệu dữ liệu khai sinh; 25 triệu dữ liệu kết hôn; 15 triệu dữ liệu khai tử; 19 triệu dữ liệu xác nhận tình trạng hôn nhân, còn lại là các dữ liệu nhận cha mẹ con, thay đổi, cải chính, dữ liệu danh mục và bản scan các trang sổ hộ tịch đính kèm), đáp ứng yêu cầu tra cứu, kết nối thường xuyên, liên tục với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh, Phần mềm dịch vụ công liên thông (DVCLT), CSDLQGVDC để phục vụ khai thác, giải quyết TTHC trong lĩnh vực hộ tịch nói riêng và các TTHC khác có liên quan.

Cổng dịch vụ công quốc gia (DVCQG) đã tích hợp tính năng xác thực tài khoản theo tài khoản VNeID mức độ 2, kết nối, đồng bộ trạng thái giải quyết các hồ sơ đăng ký hộ tịch, các hồ sơ đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử liên thông.

Việc đăng ký hộ tịch gắn chặt với các quyền nhân thân của cá nhân theo Hiến pháp, các luật và các công ước quốc tế để bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, phục vụ quản lý nhà nước nên đi liền với công tác tư pháp nói chung, công tác đăng ký, quản lý hộ tịch đã và đang được Bộ, ngành Tư pháp làm tốt, ổn định và ứng dụng công nghệ thông tin mạnh mẽ, toàn diện.

2.1.7. Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch tại Cơ quan đại diện được tăng cường, bảo đảm về chất lượng

Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch đối với công dân Việt Nam ở nước ngoài được Bộ Ngoại giao quan tâm, coi là một trọng tâm của hoạt động lãnh sự. Bộ Ngoại giao và Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong xây dựng thể chế, có văn bản hướng dẫn thống nhất việc đăng ký và quản lý hộ tịch tại các Cơ quan đại diện phù hợp với quy định của Luật Hộ tịch .

Chất lượng đội ngũ viên chức lãnh sự (là người trực tiếp thực hiện việc đăng ký hộ tịch) cũng được Bộ Ngoại giao quan tâm, bồi dưỡng. Cơ quan đại diện sử dụng thống nhất sổ, biểu mẫu do Bộ Tư pháp in và phát hành; hệ thống cơ sở dữ liệu hộ tịch (sổ hộ tịch) được bảo đảm lưu trữ tốt tại các Cơ quan đại diện và tại Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự).

2.2. Bất cập, hạn chế của Luật Hộ tịch

Một số quy định của Luật Hộ tịch chưa bảo đảm thống nhất với quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam, Bộ luật Dân sự, Luật Cán bộ công chức, Luật Căn cước (ví dụ: việc ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh; xác định nội dung khai sinh; đăng ký giám sát giám hộ;...).

Luật Hộ tịch chưa dự liệu và chưa có quy định điều chỉnh đối với các trường hợp phát sinh, dẫn đến quá trình giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch của người dân ở một số địa phương vẫn nảy sinh bất cập, hạn chế. Cụ thể:

- Về quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch: Pháp luật về căn cước quy định người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận căn cước. Tuy nhiên, Điều 6 Luật Hộ tịch chỉ quy định: Công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú tại Việt Nam có quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch (chưa có quy định về người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch).

- Về xác định nội dung khai sinh

Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Dân sự quy định: Tên của công dân Việt Nam phải bằng tiếng Việt hoặc tiếng dân tộc khác của Việt Nam; không đặt tên bằng số, bằng một ký tự mà không phải là chữ. Theo đó, Luật hộ tịch và văn bản hướng dẫn thi hành quy định: Họ, chữ đệm, tên và dân tộc của trẻ em được xác định theo thỏa thuận của cha, mẹ theo quy định của pháp luật dân sự. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật quốc tịch thì: khi thực hiện thủ tục về khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, trường hợp trẻ em có quốc tịch Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài, thì tên của trẻ có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài.

- Về thủ tục đăng ký giám hộ

Hiện tại, Luật Hộ tịch chỉ quy định thủ tục đăng ký giám hộ bao gồm: Đăng ký giám hộ đương nhiên, đăng ký giám hộ cử, đăng ký chấm dứt giám hộ và

đăng ký thay đổi giám hộ. Đối với yêu cầu giám sát việc giám hộ theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Dân sự thì Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành do ban hành trước nên chưa có quy định cụ thể về thủ tục này (hiện mới chỉ được quy định tại Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực). Do vậy, một số địa bàn phát sinh không ít các trường hợp yêu cầu/bắt buộc phải đăng ký giám sát việc giám hộ đang gây lúng túng cho cơ quan đăng ký hộ tịch do không có biểu mẫu và hướng dẫn cách thức thực hiện.

- Đăng ký kết hôn, cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

Khoản 2 Điều 44 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định: “Đối với các trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích và tạo điều kiện để đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân được công nhận kể từ ngày các bên xác lập quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng. Thẩm quyền, thủ tục đăng ký kết hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 17, Điều 18 của Luật hộ tịch”.

Theo quy định của Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình và Thông tư số 01/2001/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10, Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì vẫn công nhận quan hệ hôn nhân thực tế đối với trường hợp xác lập quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng trước 03/01/1987, thỏa mãn một trong các điều kiện theo quy định của Thông tư số 01/2001/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP và coi là người đang có vợ/có chồng đối với các trường hợp thỏa mãn điều kiện hôn nhân thực tế và chưa có sự kiện chết/ly hôn, dẫn đến rất nhiều trường hợp chỉ có quan hệ chung sống với nhau thời gian không dài (2-3 năm) vẫn được coi là hôn nhân thực tế, nhưng sau khi hai người đã chấm dứt chung sống, thậm chí chung sống với người khác/một trong hai bên bỏ đi biệt tích, nay người còn lại có yêu cầu cấp xác nhận tình trạng hôn nhân mà xác định đó là người đang có vợ/có chồng thì hết sức bất cập, gây khó khăn cho người dân.

Đối với trường hợp công dân Việt Nam (cả hai bên nam, nữ) định cư ở nước ngoài, chung sống với nhau như vợ chồng trước 03/01/1987 ở nước ngoài (có tuyên thệ do cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài chứng nhận và đã được hợp pháp hóa lãnh sự) hoặc có thời gian chung sống với nhau như vợ chồng trước 03/01/1987 ở Việt Nam, sau đó mới sang định cư ở nước ngoài, nay về Việt Nam có yêu cầu đăng ký kết hôn thì có được công nhận là hôn nhân thực tế và được giải quyết đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị

định số 123/2015/NĐ-CP, hiện nay vẫn chưa có văn bản nào hướng dẫn cụ thể.

- Về việc cải chính hộ tịch

Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP thì cải chính hộ tịch là việc “chỉnh sửa thông tin cá nhân trong Sổ hộ tịch hoặc trong bản chính giấy tờ hộ tịch và chỉ được thực hiện khi có đủ căn cứ để xác định có sai sót do lỗi của công chức làm công tác hộ tịch hoặc của người yêu cầu đăng ký hộ tịch”.

Như vậy, chỉ thực hiện cải chính hộ tịch khi xác định có sai sót khi đăng ký hộ tịch. Sai sót có thể của người yêu cầu đăng ký hộ tịch hoặc của công chức làm công tác hộ tịch khi cung cấp thông tin, ghi thông tin trong giấy tờ, Sổ hộ tịch; có thể là sai sót về thông tin của chính người được cấp giấy tờ hộ tịch, cũng có thể là sai sót về thông tin của cha, mẹ, người được đăng ký hộ tịch... Tùy từng trường hợp, trên cơ sở các giấy tờ, hồ sơ do đương sự cung cấp, công chức làm công tác hộ tịch căn cứ quy định pháp luật để xác định có sai sót hay không và xác định giấy tờ, tài liệu nào là căn cứ để cải chính hộ tịch.

Tuy nhiên, thông qua quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực hộ tịch (công tác thanh tra, kiểm tra, trao đổi, giải đáp khó khăn vướng mắc của địa phương...), Bộ Tư pháp thấy rằng đa số các yêu cầu cải chính nội dung trong bản chính Giấy khai sinh, Sổ đăng ký khai sinh đã đăng ký trước đây chỉ nhằm hợp thức hóa hồ sơ, giấy tờ cá nhân, mà công dân không chứng minh được có sai sót. Các trường hợp yêu cầu cải chính đã được đăng ký khai sinh từ chế độ cũ, không còn hồ sơ lưu, người dân đã có thời gian xác lập và sử dụng ổn định, lâu dài các hồ sơ, giấy tờ cá nhân, nên nếu cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết sẽ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của công dân trong các giao dịch đã xác lập, đồng thời, công dân sẽ phải thực hiện điều chỉnh quá nhiều loại hồ sơ, giấy tờ cá nhân theo Giấy khai sinh/Sổ đăng ký khai sinh.

- Thay đổi hộ tịch

Theo quy định tại Điều 26 Luật Hộ tịch thì phạm vi thay đổi hộ tịch bao gồm: Thay đổi họ, chữ đệm và tên của cá nhân trong nội dung khai sinh đã đăng ký khi có căn cứ theo quy định của pháp luật dân sự; Thay đổi thông tin về cha, mẹ trong nội dung khai sinh đã đăng ký sau khi được nhận làm con nuôi theo quy định của Luật nuôi con nuôi. Do đó, đối với trường hợp người dân có yêu cầu thay đổi quê quán từ quê mẹ sang quê cha hoặc ngược lại để phù hợp phong tục, tập quán, tránh mâu thuẫn giữa cha, mẹ, gia đình hai bên (đặc biệt là trường hợp con không lấy quê quán của cha); thuận lợi cho việc đi học, lao động (một số doanh nghiệp không tuyển dụng lao động có quê tại một số tỉnh); không rõ nguồn gốc do gia đình đã thoát ly nhiều đời (đặc biệt là trường hợp có quê quán Trung Quốc); con ngoài giá thú đăng ký khai sinh xác định theo quê quán của

mẹ, nay cha nhận con, muốn thay đổi quê quán của con theo quê quán của cha, thì cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết.

Theo quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Hộ tịch thì những thông tin mà cha, mẹ thỏa thuận lựa chọn cho con khi đăng ký khai sinh như họ, chữ đệm, tên, dân tộc thì pháp luật đều có quy định cho phép thay đổi/xác định lại (trừ thông tin về quốc tịch thì việc thay đổi phải theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam). Trong khi đó, thông tin về quê quán cũng là một trong những thông tin cá nhân mà Luật Hộ tịch cho phép cha, mẹ được thỏa thuận lựa chọn cho con khi đăng ký khai sinh nhưng Bộ luật Dân sự và Luật Hộ tịch không có quy định cho phép thay đổi, chưa bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người dân.

- Việc thay đổi thông tin về cha mẹ trong giấy khai sinh của con nuôi

Theo quy định tại Điều 27, 28 Bộ luật Dân sự thì cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay đổi họ, tên trong trường hợp người con nuôi thôi làm con nuôi và người này hoặc cha đẻ, mẹ đẻ yêu cầu lấy lại họ, tên cho người đó theo họ, tên của cha đẻ hoặc mẹ đẻ đã đặt trước đây. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 26 Luật Hộ tịch chỉ quy định phạm vi thay đổi hộ tịch đối với trường hợp thay đổi thông tin về cha, mẹ trong nội dung khai sinh đã đăng ký sau khi được nhận làm con nuôi theo quy định của Luật Nuôi con nuôi. Do vậy, trường hợp con nuôi đã có quyết định chấm dứt việc nuôi con nuôi thì chưa có quy định về trình tự, thủ tục để thực hiện.

- Ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài

(i) Ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh

Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Hộ tịch thì: “UBND cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh; kết hôn; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; thay đổi hộ tịch đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài”. Như vậy, về nguyên tắc, cơ quan đăng ký hộ tịch chỉ thực hiện ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đối với công dân Việt Nam.

Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật quốc tịch thì: Trẻ em sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài thì có quốc tịch Việt Nam, nếu cha mẹ thỏa thuận lựa chọn quốc tịch Việt Nam cho con khi thực hiện thủ tục về khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam theo hướng dẫn của Chính phủ (khoản 2 Điều 16 Luật Quốc tịch Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung năm 2025); Trường hợp trẻ em đã được đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, có quốc tịch nước ngoài thì trẻ em đó có quốc tịch Việt Nam nếu cha mẹ thỏa thuận lựa chọn quốc tịch

Việt Nam cho con khi thực hiện ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh... (Điều 9 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam). Như vậy, có sự không thống nhất giữa quy định pháp luật hộ tịch và quy định pháp luật quốc tịch về đối tượng được ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh.

(ii) Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn

Theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP thì: “Công dân Việt Nam đã ly hôn, hủy việc kết hôn ở nước ngoài, sau đó về nước thường trú hoặc làm thủ tục đăng ký kết hôn mới tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thì phải ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn đã được giải quyết ở nước ngoài. Trường hợp đã nhiều lần ly hôn hoặc hủy việc kết hôn trái pháp luật thì chỉ làm thủ tục ghi chú ly hôn gần nhất”. Như vậy, đối tượng thực hiện việc ghi chú ly hôn theo quy định của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP chỉ là công dân Việt Nam về nước thường trú hoặc làm thủ tục đăng ký kết hôn mới tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Tuy nhiên, có nhiều trường hợp như người nước ngoài, người Việt Nam đã được thôi quốc tịch Việt Nam kết hôn với công dân Việt Nam sau đó ly hôn tại nước ngoài; công dân Việt Nam trước đây kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, sau đó ly hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, vẫn cư trú ở nước ngoài nhưng có yêu cầu được ghi chú ly hôn (được cơ quan có thẩm quyền Việt Nam ghi nhận). Những trường hợp này không thuộc đối tượng ghi chú ly hôn, nên cơ quan đăng ký hộ tịch đã từ chối giải quyết, nhưng người dân không đồng tình và cho rằng cơ quan nhà nước cần giải quyết để ghi nhận các sự kiện hộ tịch của công dân Việt Nam.

- Thực hiện đăng ký hộ tịch trực tuyến, trực tuyến toàn trình:

Hầu hết các thủ tục đăng ký hộ tịch hiện hành (trừ yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục hộ tịch, xác nhận thông tin hộ tịch) đều xác định thẩm quyền theo nơi cư trú và yêu cầu người đi đăng ký hộ tịch phải có mặt để ký sổ, nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch. Với quy định ràng buộc như vậy thì chưa thể thực hiện việc đăng ký hộ tịch trực tuyến toàn trình, đồng thời chưa thể triển khai việc cho phép người có yêu cầu thực hiện đăng ký hộ tịch mà không phụ thuộc vào nơi đăng ký cư trú.

Mặc dù từ ngày 01/7/2025, các quy định của pháp luật hộ tịch đã có sự điều chỉnh theo quy định tại Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp và Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực

quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp cho phép hầu hết các thủ tục đăng ký hộ tịch đều có thể thực hiện đăng ký trực tuyến toàn trình (trừ thủ tục đăng ký kết hôn), không yêu cầu người dân phải có mặt tại cơ quan đăng ký hộ tịch để ký vào Sổ hộ tịch. Tuy nhiên, đây cũng chỉ là những quy định tạm thời, có hiệu lực đến ngày 01/3/2027, nên cần nghiên cứu sửa đổi toàn diện các quy định của Luật Hộ tịch để đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số.

3. Khó khăn, vướng mắc trong việc thi hành Luật Hộ tịch và nguyên nhân

3.1. Khó khăn, vướng mắc

a. Một số quy định của lĩnh vực pháp luật có liên quan (dân sự, hôn nhân và gia đình, cư trú, quốc tịch ...) chưa có hướng dẫn cụ thể dẫn đến cơ quan đăng ký hộ tịch khó áp dụng hoặc áp dụng chưa thống nhất khi giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch, gây khó khăn cho người dân và cả cơ quan nhà nước

(i) Quy định về cấp Giấy chứng sinh

Giấy chứng sinh là một trong những giấy tờ quan trọng, là cơ sở của việc đăng ký khai sinh. Kể từ khi triển khai Luật Hộ tịch đến nay, việc cấp Giấy chứng sinh được điều chỉnh 03 lần qua các Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh và Thông tư số 27/2019/TT-BYT ngày 27/9/2019 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2012/TT-BYT, hiện nay là Thông tư số 22/2025/TT-BYT. Tuy nhiên, việc cấp Giấy chứng sinh vẫn tương đối đơn giản, lỏng lẻo¹, việc ghi thông tin về người mẹ trong Giấy chứng sinh hoàn toàn phụ thuộc vào các thông tin mà người xin cấp Giấy chứng sinh cung cấp, các cơ sở y tế chưa có cơ chế kiểm soát vấn đề này. Điều này dễ dẫn đến tình trạng người dân “lách luật” để đăng ký khai sinh cho các trường hợp vi phạm pháp luật (đẻ thuê, mang thai hộ không đúng quy định của pháp luật...).

Thực tiễn quản lý công tác hộ tịch thời gian qua cho thấy, đã có trường hợp, người mẹ khi vào viện sinh con đã mượn giấy tờ của người khác (Chứng minh nhân dân, Thẻ Bảo hiểm y tế...) để làm hồ sơ bệnh án, khi ra viện, bệnh viện căn cứ vào thông tin về người mẹ trong hồ sơ bệnh án để cấp Giấy chứng sinh cho trẻ, dẫn đến cơ quan đăng ký hộ tịch đã đăng ký khai sinh cho trẻ với thông tin về người mẹ không đúng với thực tế. Từ đó đã để lại những hệ quả hết sức phức tạp mà cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải quyết.

(ii) Việc áp dụng Bộ luật Dân sự

- Về việc đặt tên, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Dân sự đã quy định: Việc đặt tên bị hạn chế trong trường hợp xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của

¹ Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi trẻ sinh ra cấp giấy chứng sinh theo mẫu số 01 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này cho trẻ trước khi trẻ ra khỏi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc sớm hơn theo đề nghị của thân nhân của trẻ

người khác hoặc trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự (quy định tại Điều 3 của Bộ luật Dân sự). Tên của công dân Việt Nam phải bằng tiếng Việt hoặc tiếng dân tộc khác của Việt Nam; không đặt tên bằng số, bằng một ký tự mà không phải là chữ. Như vậy, trường hợp trẻ em có một bên cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam, bên còn lại là người nước ngoài, nếu cha mẹ thỏa thuận lựa chọn quốc tịch Việt Nam cho con thì khi đăng ký khai sinh, tên của trẻ cũng phải là tên gọi Việt Nam, theo đúng trật tự, “tên” là từ cuối cùng trong chuỗi “họ, chữ đệm, tên”, nên các trường hợp đặt tên theo tiếng nước ngoài như: Nguyễn Dean, Trần John, Lê Maika... là trái nguyên tắc đặt tên nêu trên. Tuy nhiên, việc xác định thế nào là tên bằng “tiếng Việt” hoặc tiếng dân tộc khác của Việt Nam thì chưa có quy định hướng dẫn, chủ yếu hiện nay vẫn xác định theo cách phát âm nên việc áp dụng chưa bảo đảm thống nhất, khó khăn cho cả công chức làm công tác hộ tịch và người dân.

- *Việc xác định dân tộc khi đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi*

Khoản 2 Điều 29 Bộ luật Dân sự quy định: Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, chưa xác định được cha đẻ, mẹ đẻ và chưa được nhận làm con nuôi thì được *xác định dân tộc theo đề nghị của người đứng đầu cơ sở nuôi dưỡng trẻ em đó hoặc theo đề nghị của người đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ em vào thời điểm đăng ký khai sinh cho trẻ em.*

Như vậy, quy định này không hề giới hạn lựa chọn của người đứng đầu cơ sở nuôi dưỡng, do đó người đứng đầu có thể lựa chọn dân tộc bất kỳ, kể cả dân tộc thiểu số.

Bên cạnh đó, Bộ luật Dân sự quy định “*trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, chưa xác định được cha đẻ, mẹ đẻ và được nhận làm con nuôi thì được xác định dân tộc theo dân tộc của cha nuôi hoặc mẹ nuôi theo thỏa thuận của cha mẹ nuôi. Trường hợp chỉ có cha nuôi hoặc mẹ nuôi thì dân tộc của trẻ em được xác định theo dân tộc của người đó*”. Do vậy, đối với trẻ bị bỏ rơi, đã được đưa vào cơ sở nuôi dưỡng, được đăng ký khai sinh và xác định dân tộc theo đề nghị của người đứng đầu cơ sở nuôi dưỡng, sau đó được nhận làm con nuôi thì có được xác định (lại) dân tộc theo dân tộc của cha nuôi hoặc mẹ nuôi hay không.

- *Điểm d khoản 1 Điều 27 và điểm d khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Dân sự* quy định cá nhân có quyền thay đổi họ, tên đối với trường hợp “người bị lưu lạc đã tìm ra nguồn gốc huyết thống của mình”. Tuy nhiên, hiện tại chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào hướng dẫn trường hợp nào được xác định là người lưu lạc đã tìm ra nguồn gốc huyết thống, nên cơ quan đăng ký hộ tịch gặp khó khăn khi tiếp nhận yêu cầu của công dân do không xác định được những người đã đi khỏi nơi cư trú lâu năm/những người được người khác nhận làm con nuôi nay tìm được cha, mẹ đẻ của mình...có thuộc trường hợp

người lưu lạc đã tìm ra nguồn gốc huyết thống để giải quyết việc đăng ký hộ tịch.

(iii) Việc áp dụng Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02/3/1979 của Tổng cục Thống kê để xác định thành phần dân tộc (Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ)

Hiện tại, thành phần dân tộc vẫn được xác định căn cứ theo Danh mục 54 dân tộc được ban hành theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ.

Tuy nhiên, theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ thì tên của một dân tộc có cả tên gọi chính và tên gọi khác, nên việc xác định tên gọi trong thực tế cũng như ghi tên dân tộc trên các loại giấy tờ ở các địa phương là không thống nhất (nơi ghi theo “tên gọi chính”, nơi ghi theo “tên gọi khác”); nhiều trường hợp giấy tờ của cha, mẹ ghi theo “tên gọi khác” nhưng giấy tờ của con ghi theo “tên gọi chính” hoặc ngược lại. Có trường hợp dân tộc của cả ông, bà, cha, mẹ, trong giấy tờ, hồ sơ cá nhân đều ghi theo “tên gọi khác”; có trường hợp dân tộc của ông, bà, cha, mẹ đều ghi thống nhất nhưng theo dân tộc không có trong Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ (ví dụ: dân tộc Sán Chí ở huyện Sơn Dương, dân tộc Thủy ở huyện Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang), nay đề nghị ghi dân tộc của con (khi đăng ký khai sinh) theo dân tộc đó. Các cơ quan đăng ký hộ tịch khá lúng túng đối với trường hợp này, nếu căn cứ vào dân tộc của cha hoặc mẹ theo quy định của Bộ luật Dân sự thì không phù hợp với Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ, nếu từ chối đăng ký khai sinh thì không bảo đảm quyền lợi của trẻ em, không đảm bảo nguyên tắc đăng ký hộ tịch quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Hộ tịch.

(iv) Việc áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân thực hiện quyền đăng ký hộ tịch, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và Thông tư số 04/2020/TT-BTP quy định cho phép kết hợp thủ tục nhận cha, mẹ, con và đăng ký khai sinh. Tuy nhiên, hiện tại có tình trạng nhiều phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài nhưng cuộc sống chung không hạnh phúc nên bỏ về Việt Nam, cũng có trường hợp không được cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cho phép sang nước ngoài định cư nên hôn nhân không duy trì được, thực tế quan hệ vợ chồng đã chấm dứt nhưng chưa làm thủ tục ly hôn mà đã lại có quan hệ chung sống với người đàn ông khác và sinh con. Do con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân vẫn còn tồn tại, nên theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, phải được xác định là con chung của hai vợ chồng (mặc dù người chồng không phải là người cha trên thực tế của đứa trẻ)², người mẹ có yêu cầu

² Khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng. Con sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân”.

đăng ký việc nhận cha (người cha trên thực tế) của trẻ em kết hợp với thủ tục đăng ký khai sinh để khai sinh theo đúng thông tin về cha mẹ hoặc đăng ký khai sinh theo diện con chưa xác định được cha thì cơ quan đăng ký khai tử không giải quyết được.

Do khoản 2 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định”; khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình cũng quy định: “Người không được nhận là cha, mẹ của một người có thể yêu cầu Tòa án xác định người đó là con mình”, nên yêu cầu xác định cha cho con của người mẹ trong trường hợp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân, không thuộc thẩm quyền của cơ quan đăng ký hộ tịch. Nhưng thực tế, Tòa án có thẩm quyền không thụ lý giải quyết hoặc có tiếp nhận nhưng sau đó đình chỉ việc giải quyết vì cho rằng không có “tranh chấp”. Để giải quyết vấn đề này, khoản 4 Điều 16 Thông tư số 04/2020/TT-BTP đã quy định: *“Trường hợp con do người vợ sinh ra hoặc có thai trong thời kỳ hôn nhân nhưng người chồng không thừa nhận là con chung hoặc người khác muốn nhận con thì do Tòa án nhân dân xác định theo quy định pháp luật. Trường hợp Tòa án nhân dân từ chối giải quyết hoặc đình chỉ giải quyết thì cơ quan đăng ký hộ tịch tiếp nhận, giải quyết yêu cầu đăng ký khai sinh cho trẻ em chưa xác định được cha hoặc đăng ký nhận cha, con, hồ sơ phải có văn bản từ chối hoặc đình chỉ giải quyết của Tòa án và chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Thông tư này”*.

Tuy nhiên, theo phản ánh từ người dân và cơ quan đăng ký hộ tịch, nhiều trường hợp Tòa án không giải quyết nhưng không có văn bản từ chối hoặc đình chỉ giải quyết nên người dân không thể hoàn thiện hồ sơ đăng ký nhận cha, mẹ, con tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

b. Việc triển khai xây dựng, hoàn thiện CSDLHTĐT toàn quốc gặp nhiều khó khăn về nguồn lực

Mặc dù CSDLHTĐT, cốt lõi là phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung là cơ sở, công cụ quan trọng, có tác động lớn đến chất lượng, hiệu quả của công tác đăng ký, thống kê hộ tịch nhưng từ năm 2016 đến 2020, Bộ Tư pháp mới chỉ bố trí nguồn kinh phí để triển khai xây dựng thí điểm Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch (chủ yếu là chi phí xây dựng phần mềm). Việc bố trí nguồn kinh phí cho nhiệm vụ triển khai mở rộng áp dụng trên toàn quốc, nâng cấp hoàn thiện gặp nhiều khó khăn, trong một thời gian dài chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế đặt ra. Dự án đầu tư “Xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch” được phê duyệt từ nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được triển khai từ cuối năm 2021, với mức đầu tư còn khá khiêm tốn (80 tỷ cho xây dựng hệ thống phần mềm, chưa bao gồm kinh phí cho cơ sở hạ tầng phục vụ hệ thống).

Kinh phí cho việc triển khai Đề án tại các địa phương cũng ở tình trạng tương tự, từ khi triển khai Luật Hộ tịch đến năm 2023 vẫn còn địa phương chưa được cấp kinh phí riêng để triển khai Đề án một cách bài bản, hệ thống, đồng bộ (từ việc nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT, trang bị máy tính, máy in, mạng internet, đào tạo người sử dụng, số hóa dữ liệu lịch sử...).

Việc thực hiện nhiệm vụ số hóa còn một số khó khăn như: (i) chưa được quan tâm bố trí kinh phí, nhân lực cơ sở hạ tầng không đủ đáp ứng, đối với các địa phương triển khai thực hiện số hóa bằng phương pháp giao cho công chức làm công tác hộ tịch tự thực hiện nhập dữ liệu, do công chức tư pháp - hộ tịch, vừa phải làm công việc chuyên môn, vừa thực hiện số hóa nên quá tải, không bảo đảm được tiến độ công việc, chưa kể về kỹ thuật và tâm lý, việc vừa nhập dữ liệu, vừa tự kiểm tra sẽ không bảo đảm được độ chính xác, khách quan của dữ liệu được số hóa. (ii) tại UBND cấp xã, nhất là ở những địa phương kinh tế khó khăn thì công chức tư pháp - hộ tịch chưa được bố trí máy tính riêng để làm việc, đường truyền mạng cũng không ổn định dẫn đến việc số hóa dữ liệu hộ tịch gặp nhiều khó khăn. (iii) Chưa có phương án hiệu quả để kiểm tra độ chính xác sau khi nhập dữ liệu của công chức tư pháp - hộ tịch.

c. Đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch còn thiếu ổn định, thường xuyên phải kiện toàn, đào tạo, bồi dưỡng bổ sung

(i) Về số lượng, chất lượng

Tính đến hết năm 2024, vẫn còn 40% số đơn vị hành chính cấp xã chỉ bố trí 01 công chức tư pháp hộ tịch, trong đó không ít đơn vị đông dân cư, số lượng công việc hộ tịch nhiều; một số Phòng Tư pháp cấp huyện chỉ có 02 biên chế, thậm chí có thời điểm chỉ có 01 biên chế, trong khi khối lượng công việc phải đảm nhiệm ngày càng tăng. Công chức làm công tác hộ tịch không thể có thời gian nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao.

Vẫn còn tồn tại tình trạng: công chức được đào tạo chuyên ngành khác (kinh tế, nông nghiệp...) được bố trí làm công tác hộ tịch, “mượn biên chế” - tuyển dụng công chức tư pháp hộ tịch song thực tế là cho làm công tác xã đội, công an xã hoặc công tác khác ; cán bộ, công chức khác (công an xã, chỉ huy quân sự xã...) kiêm nhiệm chức danh công chức tư pháp - hộ tịch ...

Về trình độ chuyên môn, các địa phương chưa bảo đảm 100% công chức làm công tác hộ tịch có trình độ chuyên môn phù hợp. Không chỉ hạn chế về trình độ chuyên môn, trình độ tin học, kỹ năng thống kê của công chức tư pháp hộ tịch cũng có hạn chế, dẫn đến còn có sai sót trong quá trình đăng ký.

Bên cạnh đó, chất lượng công chức tư pháp - hộ tịch còn bị ảnh hưởng theo chiều hướng không tích cực do một số yếu tố như: luân chuyển, điều động công

chức theo nhiệm kỳ, theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng chống, tham nhũng (mục XII, phần B); thực hiện Đề án đưa công an chính quy về đảm nhiệm các chức danh Công an xã theo yêu cầu tại Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, dẫn đến tình trạng điều chuyển Công an xã (chưa có chuyên môn, thiếu kinh nghiệm) sang làm công chức tư pháp-hộ tịch (ở 62/63 tỉnh/thành phố). Có nhiều trường hợp công chức có chuyên môn nghiệp vụ, được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm thực tiễn, nhưng trúng cử đại biểu hội đồng nhân dân hoặc được bổ nhiệm vào vị trí công tác cao hơn, địa phương chưa bố trí được người có chuyên môn phù hợp, phải tạm thời bố trí những người được đào tạo chuyên ngành khác làm công tác hộ tịch hoặc sử dụng cả cán bộ hợp đồng để đảm nhiệm công tác này.

Từ 01/7/2025 đến nay, do có sự thay đổi về mô hình tổ chức dẫn có sự xáo trộn trong đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch. Qua rà soát nhanh của Bộ Tư pháp, việc sáp nhập các đơn vị hành chính từ cấp tỉnh đến cấp xã khiến cho quy mô dân số trên địa bàn tăng lên đáng kể, tuy nhiên, số lượng công chức làm công tác hộ tịch giữ nguyên, thậm chí giảm. Vì vậy, ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ, xảy ra tình trạng trễ hạn trong giải quyết TTHC, bị người dân phản nản là không thể tránh khỏi. Cơ bản hiện nay, công chức tư pháp - hộ tịch mới đang tập trung giải quyết TTHC, chưa thể tham mưu triển khai các hoạt động tư pháp khác.

(ii) Về đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ hộ tịch

Việc đào tạo bồi dưỡng cho công chức làm công tác hộ tịch được xác định là nhiệm vụ thường xuyên, Bộ Tư pháp cũng đã tổ chức đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho đội ngũ báo cáo viên, nhưng trên thực tế, công tác đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho công chức làm công tác hộ tịch tại một số địa phương vẫn chưa thực sự hiệu quả, chưa đáp ứng được yêu cầu giải quyết công việc.

Ở một số địa phương, kinh phí dành cho công tác này chưa được quan tâm đúng mức; việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức làm công tác hộ tịch được một số UBND tỉnh giao Sở Nội vụ chủ trì thực hiện, nên có tình trạng Sở Tư pháp không nắm được thông tin, không đánh giá được chất lượng bồi dưỡng, tập huấn, dẫn đến việc đào tạo, bồi dưỡng không bảo đảm chất lượng, đúng, đủ nội dung theo yêu cầu của Bộ Tư pháp.

Từ 01/7/2025 đến nay, theo báo cáo của các Sở Tư pháp, trong số công chức đang được bố trí làm công tác tư pháp - hộ tịch có tỷ lệ không nhỏ (có tỉnh tới 60%) công chức mới được bố trí làm công tác này, mặc dù bảo đảm về tiêu chuẩn chuyên môn nhưng chưa được bồi dưỡng cấp chứng chỉ về nghiệp vụ hộ tịch, không có kinh nghiệm nên lúng túng trong tiếp nhận, tham mưu giải quyết

hồ sơ đăng ký hộ tịch; không thành thạo trong thao tác, sử dụng Hệ thống ĐKQLHTĐT.

d. Việc phối hợp giữa các ngành, cơ quan có liên quan chưa thực sự thông suốt, chặt chẽ, hiệu quả

Qua gần 10 năm triển khai thi hành Luật Hộ tịch, các địa phương đã phản ánh về Bộ Tư pháp nhiều vấn đề vướng mắc phát sinh trong công tác đăng ký hộ tịch cho người dân như: vấn đề xác định tên gọi/thành phần dân tộc khi đăng ký khai sinh cho trẻ em là con của đồng bào dân tộc thiểu số; vấn đề thẩm quyền giải quyết yêu cầu xác định cha, mẹ, con; vấn đề hợp pháp hóa lãnh sự/xác định giá trị pháp lý giấy tờ do cơ quan nước ngoài cấp ... Những nội dung này Bộ Tư pháp cần phối hợp, trao đổi một số Bộ, ngành liên quan, nhưng việc nhận thông tin phản hồi từ các cơ quan này tương đối lâu, nội dung phản hồi không sát vấn đề, thậm chí không có phản hồi, dẫn đến kéo dài thời gian/không có cơ sở để hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan đăng ký hộ tịch ở địa phương, ảnh hưởng tới thời gian và việc giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch, chưa bảo đảm quyền lợi của người dân.

Bên cạnh đó, nhiều ngành có liên quan chưa hiểu, chưa thực hiện đúng quy định của Luật Hộ tịch, đặc biệt là trong việc chấp nhận giấy tờ hộ tịch để điều chỉnh hồ sơ, giấy tờ khác của cá nhân; nhiều cơ quan thực hiện thủ tục hành chính (phần lớn là tổ chức hành nghề công chứng) yêu cầu người dân phải nộp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của người chết, đi đăng ký khai tử cho cả những người đã chết cách nay hàng chục năm, gây phiền hà cho người dân, tăng áp lực công việc hộ tịch cho UBND cấp xã .

e. Việc triển khai thi hành Luật Hộ tịch còn chịu tác động của nhiều yếu tố chủ quan và khách quan

(i) Mặc dù đã được quan tâm đầu tư ở mức độ nhất định, nhưng cơ sở vật chất, phương tiện làm việc của một số UBND cấp xã, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, vùng cao, vùng biên giới vẫn còn thiếu thốn, chưa đáp ứng được yêu cầu công việc, công chức tư pháp - hộ tịch dùng chung máy in, tủ để hồ sơ, máy scan với Văn phòng; đường truyền Internet còn thiếu ổn định, ảnh hưởng đến tốc độ và thời gian xử lý công việc; máy vi tính, máy in không được nâng cấp kịp thời, hoạt động kém hiệu quả, không đáp ứng được yêu cầu công việc.

Hạ tầng công nghệ thông tin, trình độ công nghệ thông tin của đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch của nhiều địa phương còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả của việc triển khai CSDLHTĐT. Ngân sách dành cho công tác đăng ký hộ tịch còn eo hẹp, chưa được đầu tư thích đáng.

Việc đổi mới, hiện đại hoá phương thức đăng ký hộ tịch còn bị rào cản bởi thể chế, quy định pháp luật; nhận thức, trình độ của người dân, công chức làm công tác hộ tịch và nguồn lực đầu tư cho công tác đăng ký, quản lý hộ tịch.

(ii) Tác động của phong tục tập quán

Phong tục tập quán được áp dụng chưa đúng quy định pháp luật, có ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả đăng ký hộ tịch. Qua thực tiễn khảo sát cũng như qua phản ánh của các địa phương cho thấy, có một số phong tục, tập quán ảnh hưởng trực tiếp tới việc thực thi quy định pháp luật hộ tịch, như: xác định họ cho con, đăng ký khai tử, di cư tự do..., nếu áp dụng phong tục tập quán thì không phù hợp quy định pháp luật, nhưng áp dụng đúng pháp luật một cách nguyên tắc thì người dân phản ứng tiêu cực, không đồng ý thực hiện việc đăng ký hộ tịch

- Đối với việc xác định họ cho con

Theo quy định của Bộ luật Dân sự, họ, tên của một người được xác định theo họ, tên khai sinh của người đó. Họ của cá nhân được xác định là họ của cha đẻ hoặc họ của mẹ đẻ theo thỏa thuận của cha mẹ; nếu không có thỏa thuận thì họ của con được xác định theo tập quán. Trường hợp chưa xác định được cha đẻ thì họ của con được xác định theo họ của mẹ đẻ. Như vậy, về nguyên tắc, dù việc xác định họ cho con theo tập quán vẫn phải đảm bảo con theo họ cha hoặc họ mẹ.

Tuy nhiên trên thực tế, theo tập quán tại địa bàn một số tỉnh miền Trung, Tây Nguyên, việc xác định họ cho trẻ em không bảo đảm quy định nêu trên, việc xác định họ cho con căn cứ vào giới tính của người đó³; một số dòng họ việc xác định họ cho con tuân thủ theo thế thứ mà không theo họ cha đẻ hay mẹ đẻ⁴; một số dân tộc có họ dành riêng cho con trai và họ dành riêng cho con gái⁵.

Đối với các trường hợp này, rõ ràng, pháp luật hiện hành đã quy định cụ thể về nguyên tắc xác định họ của cá nhân, nhưng trong một số trường hợp, việc đăng ký hộ tịch tại một số địa phương vẫn được thực hiện theo tập quán trên cơ sở yêu cầu của công dân, điều này dẫn đến các quy định pháp luật chưa được tuân thủ triệt để, ảnh hưởng tới hiệu quả, tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Đối với việc đăng ký khai tử

Theo quy định của Bộ luật Dân sự, khai tử là quyền nhân thân quan trọng của cá nhân, “Cá nhân chết phải được khai tử”.

³ Ví dụ: dân tộc Châu Mạ ở Lâm Đồng, dùng họ để phân biệt nam và nữ, nam mang họ K', nữ mang họ Ka

⁴ theo nguyên tắc đặt tên trong bài Đế hệ thi của vua Minh Mạng thì nếu cha họ “Bảo” khi sinh con trai thì lấy họ “Quý”; nếu sinh con gái thì lấy họ “Tôn” chứ không lấy họ “Bảo” theo cha

⁵ Người Bana ở Tây Nguyên, Bình Định, Phú Yên; người Brâu, người Xơ-đăng ở Kon Tum; người Mã Liềng ở huyện Tuyên Hóa (Quảng Bình), Hương Khê (Hà Tĩnh)... thì người con trai dân tộc Ba Na thường gọi là Yang Danh, con gái thường gọi là: Thur, Thóp, Yung, Blui, Aying, Klrot, Blinh, Chơ, Y owu, Nhiêng, Đim, Đech, Njurk.

Luật Hộ tịch đã quy định trách nhiệm đi đăng ký khai tử của cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan. Tuy nhiên, trong thực tế vẫn còn rất nhiều trường hợp người chết không được “làm thủ tục cuối cùng” do ảnh hưởng của phong tục, tập quán lạc hậu⁶, quy định ràng buộc trách nhiệm đăng ký khai tử của pháp luật hiện hành cũng chưa thực sự hiệu quả.

Theo số liệu thống kê hiện nay, ở Việt Nam, tỷ lệ người chết được đăng ký khai tử chỉ chiếm khoảng trên 60%⁷, đặc biệt ở các huyện miền núi, vùng sâu, vùng sông nước, vùng vịnh, hầu hết các gia đình có người thân qua đời không đi đăng ký khai tử, thậm chí có trường hợp chết đã trên 20 năm mới yêu cầu khai tử. Việc khai tử dường như chỉ được thực hiện khi có liên quan đến các giao dịch dân sự, giải quyết chính sách...

Bên cạnh đó, trong quá trình đăng ký hộ tịch, công chức tư pháp - hộ tịch gặp không ít khó khăn do những quan niệm “ăn sâu bám rễ” của người dân liên quan đến đăng ký kết hôn, đặt tên... Một số đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng cao, nhất là người Mông, người Thái ở Quang Phong, Cẩm Muộn (Quế Phong) còn có tục lệ đổi tên ít nhất ba lần trong đời (khi mới sinh ra, khi trưởng thành, khi thành chủ hộ, về già...), đàn ông dân tộc Mông thường có phần đệm là “A” nhưng khi lập gia đình, sinh con lại được bố vợ đặt cho tên đệm khác. Người con gái khi ở với cha mẹ thì mang tên mình, về nhà chồng thì mang luôn tên chồng, nên có trường hợp sinh con đi làm giấy khai sinh, khai tên cha mẹ giống nhau (ví dụ: chồng là Lang Văn Thu, tên vợ là Lang Thị Thu), đối với những trường hợp này, cán bộ tư pháp phải mất công xem xét, tìm hiểu kỹ hồ sơ để cải chính. Hoặc phong tục của người Jrai, Bahnar không quy định độ tuổi kết hôn, hầu như chỉ căn cứ vào vóc dáng bên ngoài. Việc kết hôn của họ chỉ cần già làng công nhận là đủ chứ không đăng ký tại UBND xã, kể cả ly hôn cũng vậy, khi không muốn chung sống với nhau nữa thì họ cũng không đưa ra pháp luật mà tự xử trong làng, chỉ cần già làng đồng ý thì hai vợ chồng được bỏ nhau và có quyền kết hôn với người khác.

(iii) Tác động của việc di cư tự do

Di cư tự do được hiểu là sự di chuyển địa bàn cư trú của cá nhân hay một nhóm người không theo kế hoạch của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Ở Việt Nam, di cư tự do là một yếu tố tác động tới nhiều mặt của đời sống xã hội, trong đó, có tác động trực tiếp tới đăng ký và quản lý hộ tịch.

Theo Báo cáo của các địa phương, nhiều trường hợp dân di cư tự do thuộc

⁶ Quan niệm “chết là hết” và từ các tập quán chôn cất người chết từ xa xưa, hầu hết đồng bào dân tộc thiểu số có tập quán là cứ chết thì mang chôn, chôn tự do, chôn tại khu vực rừng của nhà mình, mà không thực hiện thủ tục đăng ký khai tử. Tại các xã vùng cao (Sơn La) còn có khu vực chôn riêng thường gọi là “Rừng ma”, người chết được chôn ở đó và sau đó người thân không bao giờ quay lại thăm mộ, người dân ở miền Tây Nam Bộ, cho dù ở đây cũng có nghĩa trang làng hoàng nhưng chôn xác người chết ngay trong nhà hoặc trong vườn, sát vách nhà mình.

⁷ Số liệu ước tính qua khảo sát chưa đầy đủ

diện không xác định được quốc tịch, không có giấy tờ tùy thân, chứng minh nơi cư trú (không được đăng ký thường trú/tạm trú do không có giấy tờ tùy thân), trẻ em sinh ra từ các cặp vợ chồng di cư tự do thì không có giấy tờ chứng minh về nơi sinh, thời gian sinh, mối quan hệ cha, mẹ con; cha mẹ trẻ không có giấy tờ chứng minh mối quan hệ hôn nhân. Vì vậy, không có cơ sở để đăng ký và cấp các giấy tờ hộ tịch cho các đối tượng này. Điều này, một mặt ảnh hưởng tới quyền lợi cho chính bản thân người dân, mặt khác, cũng là một thách thức đối với công tác quản lý nhà nước nói chung, công tác đăng ký và quản lý hộ tịch nói riêng. Những người di cư tự do này sống trên địa bàn địa phương nhưng không có bất cứ giấy tờ gì làm cơ sở cho việc đăng ký hộ tịch (khai sinh, kết hôn...). Đối với địa bàn những tỉnh có đông người di cư tự do, tỉ lệ đăng ký khai sinh, tỉ lệ đăng ký khai tử bị ảnh hưởng do có một số lượng nhất định những người di cư không thực hiện được việc đăng ký hộ tịch.

3.2. Nguyên nhân

Những tồn tại, hạn chế trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch nêu trên, qua phân tích, đánh giá có thể rút ra một số nguyên nhân cơ bản sau đây:

(i) *Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh lĩnh vực hộ tịch về cơ bản đã đầy đủ nhưng một số quy định tại các văn bản quy định chi tiết thi hành vẫn còn bất cập khi triển khai trong thực tiễn; chưa giải quyết được các vướng mắc, khó khăn trong lĩnh vực này một cách kịp thời.*

(ii) *Sự quan tâm của các cấp chính quyền chưa đồng bộ, chưa đúng mức*

Một số địa phương, lãnh đạo UBND chưa nhận thức được tầm quan trọng của công tác hộ tịch nên không quan tâm, đầu tư cho công tác này (về cơ sở vật chất, con người, phương tiện làm việc, kinh phí triển khai...). Đăng ký hộ tịch là trách nhiệm của UBND, nhưng nhiều UBND “phó mặc” hết cho cơ quan tư pháp, thiếu quan tâm đầu tư, kiểm tra, giám sát, cũng như thiếu quan tâm chỉ đạo tăng cường sự phối hợp của các ngành có liên quan với ngành tư pháp để triển khai công tác đăng ký, quản lý hộ tịch, xử lý các vướng mắc, khó khăn trong công tác này.

(iii) *Đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch còn thiếu, phải kiêm nhiệm nhiều công việc và có sự biến động*

Bên cạnh đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã, ở ngoài nước, các viên chức lãnh sự làm công tác hộ tịch tại các Cơ quan đại diện cũng thiếu ổn định do đặc thù viên chức lãnh sự được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ (03 năm), trong khi nghiệp vụ về hộ tịch đòi hỏi phải chuyên sâu. Việc thiếu ổn định về vị trí, kiêm nhiệm nhiều công tác đến mức quá tải, chưa qua đào tạo về chuyên ngành luật...chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến tâm lý, trách nhiệm công vụ; công chức/viên chức sẽ không có đủ thời gian cần thiết để tích lũy kinh nghiệm, không bảo đảm

sự chuyên nghiệp nên phần nào hạn chế đến chất lượng công tác đăng ký, quản lý hộ tịch.

(iv) *Cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch chưa thực sự chuyên nghiệp*, đặc biệt là cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch ở địa phương phải kiêm nhiệm, thực hiện nhiều nhiệm vụ khác, nên phần nào ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công tác đăng ký, quản lý hộ tịch.

(v) *Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký và quản lý hộ tịch*, Đề án CSDLHTĐT toàn quốc đã được triển khai ở nhiều địa phương nhưng chưa đồng bộ, hiệu quả; nguồn lực dành cho công tác đăng ký, quản lý hộ tịch còn hạn chế

Hầu hết các bộ, ngành ở Trung ương và UBND các địa phương đều thấy được vai trò, hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước nói chung, đăng ký và quản lý hộ tịch nói riêng, nhưng do nguồn lực ngân sách còn hạn chế nên việc đầu tư mới chỉ dừng ở mức bổ sung trang thiết bị, đào tạo cán bộ từng bước, tận dụng nguồn lực sẵn có của từng cơ quan, chưa có sự đầu tư đồng bộ, có chiều sâu.

Việc xây dựng CSDLHTĐT toàn quốc chưa được quan tâm bố trí nguồn lực phù hợp, thiếu đồng bộ.

(vi) *Nhận thức của một bộ phận dân cư, cơ quan, tổ chức về quyền, trách nhiệm, vai trò, ý nghĩa của việc đăng ký hộ tịch chưa đúng*

Nhiều cơ quan, tổ chức có liên quan chưa nhận biết được nội dung, ý nghĩa của công tác đăng ký hộ tịch, vì cho rằng không có tác động trực tiếp đến việc phát triển kinh tế - xã hội, không quan tâm, không thực hiện tốt việc phối hợp để đánh giá tình hình, đưa ra tỷ lệ đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử.

Vẫn còn một bộ phận không nhỏ người dân tuy xác định đăng ký hộ tịch là việc cá nhân, là quyền nhân thân mà chưa nhận thức được rằng, đăng ký hộ tịch, đặc biệt là việc đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, vừa là quyền, vừa là trách nhiệm phải thực hiện đúng thời hạn pháp luật quy định, đồng thời cũng chưa nhận thức được hết ý nghĩa, “lợi ích” của việc đăng ký hộ tịch, dẫn đến đăng ký quá hạn hoặc không đăng ký.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị sửa đổi Luật Hộ tịch

Qua đánh giá kết quả thi hành Luật Hộ tịch cho thấy, một số quy định của Luật Hộ tịch cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung để khắc phục những hạn chế, bất cập đã được ghi nhận trong quá trình tổ chức Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công cuộc cải cách tư pháp, cải cách hành chính, nhất là việc tổ chức, sắp xếp lại bộ máy theo mô

hình chính quyền địa phương hai cấp, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Một số vấn đề chính cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung bao gồm:

- Sửa đổi các quy định liên quan đến thẩm quyền đăng ký hộ tịch, trách nhiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực hộ tịch của UBND cấp huyện để bảo đảm phù hợp với việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, đẩy mạnh phân cấp phân quyền, chuyển giao nhiệm vụ giữa các cấp, chấm dứt hoạt động của chính quyền cấp huyện.

- Sửa đổi các quy định liên quan đến trình tự, thủ tục đăng ký hộ tịch, cắt giảm thành phần hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết, ưu tiên tối đa việc khai thác dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu để giải quyết hồ sơ, không yêu cầu cá nhân phải xuất trình/nộp các giấy tờ liên quan trừ trường hợp tra cứu không có thông tin theo yêu cầu của Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu, Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 25/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đơn giản hóa TTHC để tổ chức thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp; tăng cường cấp bản điện tử giấy tờ hộ tịch, sử dụng Sổ hộ tịch điện tử, chỉ cấp bản giấy và lập Sổ hộ tịch giấy đối với các sự kiện hộ tịch quan trọng, thiết yếu; đẩy mạnh thực hiện đăng ký hộ tịch trực tuyến, đăng ký hộ tịch trực tuyến toàn trình, đăng ký hộ tịch không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Nghiên cứu sửa đổi các quy định về CSDLHTĐT nhằm phát triển, nâng cấp cơ sở dữ liệu, đẩy mạnh kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu khác.

- Sửa đổi các quy định về nội dung, phạm vi đăng ký hộ tịch nhằm bảo đảm tối đa quyền nhân thân, giải quyết triệt để những hạn chế, bất cập, khó khăn, vướng mắc đã nêu tại mục II.2.2, mục II.3.

- Sửa đổi quy định về đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch nhằm tiếp tục chuyên nghiệp hóa đội ngũ này, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật cán bộ công chức và điều kiện thực tiễn.

2. Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng tổ chức thi hành Luật Hộ tịch

2.1. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch thông qua theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn nghiệp vụ, rà soát văn bản

- Tại Trung ương, Bộ Tư pháp là đơn vị chủ trì, phối hợp với các đơn vị, bộ, ngành liên quan kịp thời tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản hướng dẫn việc đăng ký hộ tịch đối với các sự kiện hộ tịch phát sinh trên thực tế; chủ động rà soát quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật; thường xuyên tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực

hiện để kiến nghị Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành liên quan sửa đổi, bổ sung các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực hộ tịch cũng như các quy định pháp luật khác có liên quan; kịp thời thực thi các phương án đơn giản hóa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Tại địa phương, các Sở Tư pháp cần khẳng định vai trò nòng cốt của mình, chủ động, tích cực hơn nữa trong việc tham mưu, đề xuất với UBND cấp tỉnh, cũng như sự phối hợp với các sở, ban, ngành trong quá trình tổ chức thực hiện; sớm có giải pháp cụ thể phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương để khắc phục tình trạng buông lỏng quản lý hoặc hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý, đăng ký hộ tịch; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động đăng ký hộ tịch ở địa phương; việc đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài; thay đổi, cải chính hộ tịch... kịp thời uốn nắn các sai sót, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch.

2.2. Tiếp tục củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực cán bộ, công chức làm công tác hộ tịch; tiếp tục tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho công chức làm công tác hộ tịch ở cơ sở

- Nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Cán bộ, công chức, Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế, yếu kém của đội ngũ công chức tư pháp – hộ tịch (quá tải do phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, thay đổi vị trí công tác, bố trí người không có đủ điều kiện, tiêu chuẩn thực hiện nhiệm vụ...), thì việc củng cố, duy trì và phát triển đội ngũ công chức tư pháp – hộ tịch là yêu cầu cần thiết.

Kế thừa những quy định của pháp luật hiện hành về công chức tư pháp - hộ tịch, đồng thời bổ sung một số quy định mới về tiêu chuẩn, trình độ, nhiệm vụ, quyền hạn, bảo đảm phù hợp với Luật Cán bộ, công chức.

Theo quy định hiện hành, công chức tư pháp – hộ tịch có các điều kiện, tiêu chuẩn như: Có trình độ từ trung cấp luật trở lên và đã được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch; có chữ viết rõ ràng và trình độ tin học phù hợp theo yêu cầu công việc. Quy định này so với Luật cán bộ, công chức và thực tiễn không còn phù hợp, cần quy định nâng cao điều kiện, tiêu chuẩn cho công chức tư pháp – hộ tịch để bảo đảm đáp ứng yêu cầu công việc cũng như nhiệm vụ đẩy mạnh đăng ký, quản lý hộ tịch trên nền tảng số. Đồng thời, bổ sung các quy định về chính sách, ưu đãi, điều kiện làm việc dành cho công chức thực hiện công tác tư pháp - hộ tịch, nhằm tạo động lực, thu hút và giữ chân đội ngũ công chức thực hiện công tác tư

pháp - hộ tịch có năng lực, giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước về hộ tịch.

- Nhằm nâng cao năng lực cho công chức làm công tác hộ tịch, cần chú trọng hơn nữa công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch, xây dựng tài liệu tập huấn đa phương tiện, ngoài các tài liệu truyền thống (hướng dẫn nghiệp vụ hộ tịch, cẩm nang nghiệp vụ hộ tịch, hỏi đáp hộ tịch...), cần bổ sung thêm các tài liệu bằng hình ảnh, video với các tình huống thực tế, đăng tải trên các trang thông tin, mạng xã hội để công chức làm công tác hộ tịch dễ dàng tiếp cận; thiết lập cơ chế trao đổi, tư vấn, hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký hộ tịch bằng nhiều phương thức để nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch.

Các địa phương cần dành kinh phí nhất định cho việc mở các lớp tập huấn, các đợt tuyên truyền để người dân hiểu được quyền và nghĩa vụ đăng ký hộ tịch của mình.

2.3. củng cố, xây dựng cơ chế phối hợp giữa các ngành, các cấp có liên quan; bảo đảm kết nối, liên thông giữa cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch với các cơ quan khác có liên quan trong quản lý và khai thác các thông tin, dữ liệu hộ tịch.

2.4. Tăng cường bảo đảm các điều kiện về phương tiện, cơ sở vật chất cho các cơ quan tư pháp

Các cấp chính quyền địa phương cần xác định rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác hộ tịch trong việc góp phần xây dựng các chính sách về kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng và dân số, kế hoạch hóa gia đình để quan tâm, đầu tư hơn cho công tác này.

Các địa phương cần tiếp tục bố trí kinh phí, trang bị máy móc, trang thiết bị, đường truyền internet đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật để thực hiện đăng ký trực tuyến các việc hộ tịch đã được giao tại Đề án 06.

2.5. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hộ tịch; đẩy mạnh công tác truyền thông các nhiệm vụ liên quan đến thực hiện Luật Hộ tịch

Công tác tuyên truyền là nhiệm vụ không thể thiếu của chính quyền các cấp; nâng cao nhận thức về pháp luật cho người dân, đặc biệt là bà con thuộc khu vực miền núi, vùng sâu vùng xa là đòi hỏi cấp bách, cần được thực hiện thường xuyên. Để thu hút sự tham gia của bà con, cần có những tài liệu chuẩn phục vụ công tác tuyên truyền, trong đó lưu ý trình độ của bà con theo từng vùng (tránh việc đọc văn bản), bên cạnh đó cũng cần đầu tư những khoản kinh phí cần thiết phục vụ cho công tác tuyên truyền, để bảo đảm hiệu quả của công tác tuyên truyền.

Thiết lập kênh truyền thông, video tuyên truyền trên mạng xã hội về nội dung liên quan đến thủ tục đăng ký hộ tịch để nâng cao nhận thức của người dân về quyền, trách nhiệm đăng ký hộ tịch.

2.6. Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân khi có yêu cầu đăng ký hộ tịch

- Nghiên cứu phương án giảm tối đa các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch, không công bố riêng các thủ tục hành chính cùng loại việc, có tính chất tương tự.

- Nâng cao tỷ lệ, chất lượng, hiệu quả đăng ký hộ tịch trực tuyến, đăng ký hộ tịch trực tuyến toàn trình, giảm thành phần hồ sơ giấy, chủ động sử dụng, khai thác giấy tờ/dữ liệu điện tử, rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

- Đổi mới toàn diện phương thức đăng ký, quản lý hộ tịch, chuyển đổi số trong toàn bộ quy trình nghiệp vụ.

2.7. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong đăng ký, quản lý hộ tịch

Hiện nay, 100% các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch đã triển khai đăng ký trực tuyến và đủ điều kiện thực hiện triển khai đăng ký trực tuyến toàn trình (trừ thủ tục đăng ký kết hôn). Tuy nhiên, để tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của từng vùng/miền cho phép người dân lựa chọn thực hiện trực tuyến hoặc trực tiếp.

Tăng cường chuyển đổi số, thực hiện tra cứu/chia sẻ thông tin trong các CSDL, không yêu cầu người dân nộp/xuất trình thành phần hồ sơ giấy; Cấp bản điện tử tất cả các giấy tờ hộ tịch, đồng thời cấp bản giấy đối với các sự kiện hộ tịch thiết yếu: Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn, Trích lục khai tử.

Đối với sổ hộ tịch, chỉ thực hiện ghi sổ giấy đối với các sự kiện hộ tịch thiết yếu: đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn và đăng ký khai tử.

2.8. củng cố và tăng cường hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch tại các Cơ quan đại diện

Các đơn vị chuyên môn thuộc Bộ Tư pháp cần phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao trong việc tập huấn về nghiệp vụ hộ tịch, quốc tịch cho các cán bộ sang làm công tác lãnh sự tại các Cơ quan đại diện; tổ chức thanh tra, kiểm tra kịp thời phát hiện, uốn nắn, khắc phục những sai sót trong quá trình thực hiện.

Các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cần thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật về hộ tịch, quốc tịch, đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước cũng như đáp ứng yêu cầu đăng ký hộ tịch của công dân Việt Nam ở nước ngoài.

Trên đây là Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Hộ tịch năm 2014, Bộ Tư pháp xin báo cáo Chính phủ. / *tho*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Lưu: VT, Cục HCTP.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Ngọc